

NHỮNG KHỐI ĐÁ CHẠM KHẮC Ở VÙNG SAPA (BẮC KỲ)

VICTOR GOLOUBEV*

Cách phía Nam - Đông Nam Sapa khoảng 6km, thung lũng Mường Hoá Hồ, cho đến đó khép chặt giữa những khối đá dựng đứng, trải rộng ra thành một vòng cung xếp thành tầng mà ở đáy và trên những bậc thang là những ruộng lúa (1). Chỉ cần thoảng qua cũng có thể thấy được là việc trồng lúa ở đây được chăm sóc cẩn thận và sự sắp xếp bố trí của chúng đòi hỏi phải lâu công và kiên nhẫn. Xen kẽ giữa các thửa ruộng là những cánh đồng ngô và một vài chỗ đất cao trồng đậu đỗ. Hai chiếc cầu tre dùng làm phương tiện qua lại giữa hai bờ suối. Cũng không tiện cho lắm, nên người Âu đặt cho chúng cái tên là Cầu khỉ (2). Người ta tới đây và dạo chơi bằng ngựa, men theo những con đường hẹp để xuống thung lũng Mường Hoa - đối diện là một khối rừng của dãy Fan Si Pan.

Tại khúc quanh của nó ở đây, con suối nằm ở độ cao chừng 1.200m. Những ruộng lúa và cánh đồng đã được canh tác chiếm lĩnh những sườn dốc của vòng cung cho đến độ cao khoảng 120m. Cao hơn là những khu đất do phá rừng còn bị bỏ hoang, dùng làm đồng cỏ để nuôi gia súc; trên nữa, tới chỗ cao nhất của thung lũng là những khe nước nhỏ, chảy xen kẽ những hang đá đã bị bào mòn. Nước từ những con suối chảy xuống được dùng để tưới cho những ruộng lúa.

Theo phong tục của người miền núi Thượng du Bắc Kỳ, những ngôi nhà ở không tập trung thành xóm, rải rác một cách riêng rẽ ở chân và trên các sườn dốc của vòng cung, tất cả tập hợp lại làm thành một làng chừng 30 hộ. Cư dân ở đây chủ yếu là Mèo hay Miao-tseu, thêm vào một vài gia đình đồng bào Mán (3).

Thung lũng được đánh dấu ở những độ cao khác nhau, bằng những khối đá granit (hoa cương) bị nghiền nát mà một vài mẫu đã nhận, cho tới ven bờ suối (4). Trên hai trong số những tảng đá đó, gần phía hạ lưu của "chiếc cầu khỉ" thứ nhất, một vị khách mới của khu điều dưỡng Sapa, ông Jean Bathellier, Thạc sĩ về khoa học tự nhiên đã phát hiện vào tháng 8 vừa qua những vết chạm khắc rất gây sự tò mò, và ông ta vội vã báo về cho Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (5).

Ngày 22-8-1925, tôi đi thăm thung lũng Mường Hoa để kiểm tra những vết chạm, tiến hành chụp ảnh, rập lại những hình chạm khắc đó (6). Hôm sau, khi tôi trở lại Sapa, tôi được biết trong vùng còn có những khối khắc khác, giống những khối đá mà ông Bathellier đã chỉ cho chúng tôi. Tôi quay lại thung lũng lần thứ hai, đi cùng có viên Thượng sĩ Fouyer - người mà tôi phải chịu ơn về chuyến đi thứ

* Thành viên của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp.

hai này. Những kết quả thăm dò của chúng tôi còn tốt hơn. Không chỉ ở chỗ là tôi có thể yên tâm tại chỗ rằng những chỉ dẫn mà ông Fouyer cung cấp là hoàn toàn chính xác, mà còn là ở chỗ số những hòn đá có hình chạm khắc đã được đánh dấu vượt xa số mà tôi mong đợi. Như vậy, quy mô của việc phát hiện đã bắt đầu được xác định. Ở đây thì không chỉ còn là hai khối riêng rẽ nữa, mà là cả một tập hợp bao gồm là những mòm đá, những hòn đá kích thước khác nhau với tổng số là khoảng 30. Vì thiếu thời gian, những trận mưa lại thường hay đổ xuống vào mùa này đã không cho phép tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu; hơn nữa, có nhiều tảng đá không thể tới được do những ruộng lúa và những khe nước bao quanh, trong khi đó những khối đá khác thì chìm trong những ruộng ngô đang mọc. Vậy là đành phải hài lòng với kết quả khảo sát vội vàng và đo vẽ mang tính chất tương đối trừ khi những khảo sát của chúng tôi tiếp tục về sau, khi điều kiện ít bất lợi hơn. Tôi cũng phải nói thêm rằng những người dân sống trong thung lũng, trừ ông "phó lý", một cựu binh làm người phiên dịch cho chúng tôi, chẳng có ích gì cho chúng tôi cả và rằng không ai trong số họ có thể chỉ dẫn cho chúng tôi về những hòn đá và hình vẽ đang được nghiên cứu. Vả lại, cũng chẳng có gì ngạc nhiên về điều đó. Những người Mèo ngụ tại thung lũng này chắc chắn không phải từ lâu và không phải họ là những người đầu tiên chiếm những ruộng lúa này. Tất cả những gì mà tôi có thể ghi lại tại chỗ nằm ở những điểm sau:

1. Vùng này trước đây có nhiều dân hơn hiện nay.

2. Bên trái con suối trước đây đã từng có một cái chợ lớn, rất gần 1 trong 2 chiếc cầu tre hiện nay.

Những khối đá chạm khắc phân bố phía Bắc thung lũng, một số nằm ngang với độ cao của con suối, số khác nằm ở độ cao 150m.

Để làm mốc, tôi ghi chú:

1. Mốc km 6 (hướng Sapa - Mường Bô).
2. Một gò đất có bụi rậm, trên đó có độc một cây to.
3. Cột chỉ đường từ Sapa đi Mường Bô.
4. Một lạch dẫn nước mưa vào ruộng lúa ở tận cùng phía Đông của vòng cung.

Cho đến lúc này, chưa thể xác định chính xác số khối đá có chạm khắc. Tại sao thì như chúng tôi nói ở trên. Việc khảo sát thống kê đều đặn còn đang tiếp tục. Trước mắt, chúng tôi chỉ có thể miêu tả cho độc giả biết về 2 đặc điểm, với việc tái tạo lại chúng qua một số bức ảnh và bản rập.

Khối đá đầu tiên trong số 2 khối đá được chúng tôi miêu tả sau đây, nằm cách con đường mòn từ Sapa tới, độ vài bước về phía phải và trước khi đến gò đất to mà chúng tôi đã đánh dấu để làm mốc kia (7). Khối đá này có hình dáng rất lạ. Thoạt nhìn nó làm cho người ta liên tưởng đến một con vật bằng đá đã mòn do gió và mưa. Vả lại cũng có thể các cạnh và bề mặt của khối đá đã chịu đựng một thứ giống như chế tác đơn sơ cho việc đục hình. Kích thước đo được là: cao 1,3m, dài 6,6m, rộng 4,1m. Bề mặt của khối đá lờm chờm, một số đường nét chạm khắc bị mất. Chi tiết này không phải là không quan trọng bởi vì những hình vẽ và dấu hiệu có vẻ rất cổ xưa và xít nhau trên phần lớn nhất của khối đá.

Bản rập lại trong bài viết này cho thấy rõ gần như tất cả những đường chạm khắc của nó. Trước hết, người ta có thể nhìn thấy một đường nét nghệch ngoạc, hoàn toàn chẳng có một giá trị gì về khảo cổ học. Nhìn kỹ hơn, chẳng bao lâu sau,

dần dần người ta thấy rằng những đường nét chằng chịt, đường bán nguyệt, đường thẳng, những dấu chấm và những dấu ngoặc, có thể có một ý nghĩa nào đó, cũng như là những hình ảnh được sơ đồ hoá về con người được đưa vào gần như ở khắp nơi trong tác phẩm lạ lùng này. Người ta nghĩ đến những cách trình bày mang tính chất nguyên thủy đó, mà đại đa số là lối chữ vẽ, cái mà người ta có thể nghiên cứu trên những cái trống thiêng của Mông Cổ và Groenland, trên những cái "trống cầu mưa" nổi tiếng tại Bảo tàng Hà Nội, trên các tảng đá của vùng Irtych và Iénissei ở Sibérie. Nói một cách chính xác thì chính những sự gần gũi đó đã làm cho chúng tôi tự hỏi phải chăng là sự tình cờ mà những khối đá ở Mường Hoa cũng có mang những hình ảnh và những thể thức dành cho một tín ngưỡng sơ khai nào đó về thiên nhiên.

Thật dễ dàng phân biệt trên bản khắc của chúng tôi, hình ảnh, được thu lại ở mức đơn giản nhất của sự biểu đạt, của một cái gì đó gần như là người, bên dưới hình đó, trong khoảng không tạo ra bởi hai cặp chân dạng ra, nhìn thấy một hình xoắn khắc trong một vòng tròn. Nhân vật này không có mặt, nhưng đầu thì lại được bao quanh bằng những tia và một nét đi từ chỗ đã có thể được hình dung ra là cái miệng, kéo dài đến một mạng lưới các đường mà chỗ chéo nhau vẽ ra một thứ hình như là ngôi sao (8). Hình ảnh này liệu có thể là sự thể hiện một cách ngây thơ về một vị phù thủy, một vị thần, về một con người nào đó được thần thánh hoá, được phú cho quyền lực siêu nhiên? Người ta đã ngã theo việc chấp nhận cái đó và cũng gán một giá trị thần bí cho những hình vẽ khác kiểu này trên bản rập của chúng tôi.

Ở đây, cách giải thích mang tính giả thuyết đối với các hình khắc đã không

vấp phải những khó khăn quá lớn. Tuy nhiên, công việc trở nên rắc rối khi chúng tôi chuyển sang những chi tiết khác. Những hình chữ nhật và những hình thoi không bình thường này có ý nghĩa gì? Những đường nét đó là gì? Những nét vẽ song song nhau, những nét vẽ dài và toả ra nhiều hướng khác nhau, cắt chéo nhau này có ý nghĩa gì? Đường như chẳng có gì để chỉ ra ý nghĩa của chúng cả. Chỉ đến chuyến thăm thứ hai của tôi ở vòng cung Mường Hoá, tôi mới liêu đưa ra một sự giải thích. Khi ngắm thung lũng từ mỏm núi cao, tôi bỗng nhiên tưởng tượng về một sự giống nhau mà một sự miêu tả, một biểu đồ của vùng này hay như là một bức không ảnh (chụp từ trên máy bay) đem lại với những hình khắc trên bản rập mà tôi đã mang về trong lần khảo sát trước đó. Trước mắt tôi, phía dưới và ở những độ cao khác nhau, những thửa lúa được xếp theo hình thang song song, những con đường, những lối mòn quanh co, những lạch nước được đào trên sườn dốc của thung lũng; cuối cùng là những đường uốn lượn của con suối. Tôi có cảm tưởng rõ ràng rằng toàn bộ những đường nét đó, được thể hiện trên bản đồ có tỷ lệ rất lớn, có thể đã cung cấp cái gọi là sự tương ứng mang tính chất khoa học của những bản chạm khắc. Vậy, phải chăng chìa khoá của ẩn ngữ đã thực sự được tìm thấy? Tôi không dám khẳng định điều đó, song người ta sẽ thấy dưới đây cơ sở bất ngờ nào mà việc nghiên cứu hòn đá chạm khắc thứ hai sẽ làm chỗ dựa cho giả thuyết này.

Khối đá thứ hai này nằm ở phía Đông Nam của thung lũng, bên phía phải của lạch nước mà chúng tôi đã ghi chú ở trên như là dấu mốc và chỉ cách vài bước từ con đường dẫn đến Mường Bô. Nó có hình lưới liềm mà ở góc người ta đã gọt bớt để có một mặt phẳng, có thể viết và

khắc lên đó. Phía trên cao của khối đá, hình lập phương, có đánh dấu kẻ sọc. Kích thước của khối đá này là: cao 2,1m; khoảng cách giữa những điểm mút của đường cong ở bên trong là 10m. Những đường chạm khắc được phân bố gần như duy nhất trên bề mặt Nam - Đông Nam, quay về phía thác nước. Bề mặt này của khối đá tạo nên một tam giác khá đặc biệt, trên sơ đồ nghiêng nó giống như một kim tự tháp; phần đáy đo được 7,5m. Ít đường nét và kém rối rắm hơn là ở khối đá thứ nhất, những hình vẽ được trình bày ở đây thành nhóm thưa và nối với nhau bằng những đường vạch linh tinh. Vì những lý do khác nhau, tôi đã không rập lại toàn bộ những nét chạm khắc đó, nhưng những bản khắc của chúng tôi đã cho thấy những yếu tố chủ yếu.

Sự chú ý được thu hút ngay lập tức bởi một kiểu hoạ hình mà cho đến lúc đó người ta chưa hề gặp. Kiểu hoạ hình đó được tạo thành bởi nhiều hình chữ nhật, bên trong có những nét chéo nhỏ và những nét vạch; thoạt tiên, người ta nghĩ đó là dấu của những con dấu của người Trung Quốc. Những hình chữ nhật này khi được tập hợp thành cụm, khi thì lại được bố trí một cách riêng rẽ, nhưng dù bố cục như thế nào thì mỗi đường trong đó cũng gắn, qua một cái như cái cột với một chuỗi những đường nét ngoằn ngoèo, đi khắp mọi hướng, trên bề mặt của khối đá. Sự bài trí này gợi cho người ta liên tưởng một chút đến cách bài trí của những cây gia phả của chúng ta, nhưng có lẽ đó chỉ là một sự giống nhau mang tính chất ngẫu nhiên.

Vậy thì, những ký hiệu bí ẩn này tương ứng với loại tư tưởng nào, với mối liên kết nào giữa các sự vật đây? Chính là nhờ một lưu ý của ông L. Finot đã đưa tôi đến chỗ thừa nhận ở đây hình ảnh của

một hay nhiều làng được dựng lên một cách cẩn thận, theo những quy định của thuật vẽ bản đồ, bằng hình chiếu trên mặt phẳng ngang. Dù có những bất bẻ như thế nào về bài viết này người ta cũng không thể phủ nhận rằng chúng tôi hài lòng về cách nó giải thích và cho đến chi tiết nhỏ nhất, về những bản rập khắc mà chúng tôi đang có ở trước mắt. Hơn nữa, điều đó cũng phù hợp với cách giải thích mà tự tôi đưa ra đối với những hình chạm khắc trên khối đá thứ nhất. Tôi cũng không do dự khi nhìn thấy trong những hình vuông, hình chữ nhật kia sự biểu hiện bằng hình vẽ mang tính chất sơ đồ hoá những ngôi nhà và những kho chứa thóc gạo. Có thể chấp nhận điểm này thì những đường và nét quyện vào nhau mà chúng ta nhìn thấy khác ở trên cùng khối đá liệu có ý nghĩa gì nếu không phải là những con đường mòn dẫn vào những căn nhà và những con đường chạy qua vùng đất này?

Người ta sẽ thấy được ở một trong những bản rập của chúng tôi, những hình chữ nhật là để chỉ những căn nhà được bố trí theo hai cách khác nhau. Một số được xếp theo đường thẳng đều đặn và xít nhau có thể là những dãy phố, còn những ngôi nhà khác thì rải rác lộn xộn và thiếu trật tự cho phép nghĩ đến những làng ở vùng thượng du nơi mà những ngôi nhà có thói quen được nhóm lại một cách ngẫu nhiên, trên một vùng thung lũng hay là trên sườn núi (9). Không nghi ngờ gì, tác giả của sơ đồ đã muốn tính đến một dữ kiện mang tính chất địa hình học thực sự và có thể được coi là quan trọng. Làng trên đá liệu có thể vẽ cảnh sinh sống của người Trung Quốc, những người có truyền thống đô thị, và là những người "hoang dã", ít quen với lối sống trong những khu chung cư được bài trí theo một quy tắc được xác định cư trú không?

Chúng tôi còn ghi nhận một chi tiết lý thú khác. Trong số những ngôi nhà được thể hiện trên sơ đồ của chúng tôi, có hai ngôi nhà, lớn hơn những ngôi nhà khác, mà những con đường mòn dẫn tới đó, được vạch ra không phải là theo đường thẳng mà là ngoằn ngoèo hình chữ chi. Giả sử như bản đồ của chúng tôi liên quan đến một khoảnh đất trống, thì có thể điều đó đã không có ý nghĩa gì lớn, hay ít nhất, là một điều chỉ dẫn khó giải thích. Đằng này, trái lại, thật dễ dàng giả thích điều đó khi người ta chấp nhận rằng hai công trình đó, có thể là hai ngôi nhà của hai chức quan hay chỉ là của hai thân hào, được dựng trên những độ cao bao quát cả thung lũng.

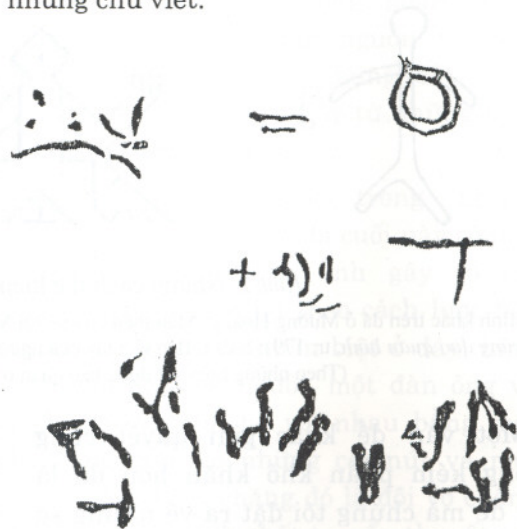
Sự miêu tả của chúng tôi sẽ đầy đủ hơn nếu chúng tôi không lưu ý tới một ký hoạ Trung Quốc hay có vẻ là chữ Trung Quốc, nổi lên ở trên một trong hai khối đá. Về điều này, ông L. Arousseau rất muốn lưu ý với tôi như sau:

"1. Bản rập cho thấy ở gần giữa của phần trên bên phải một kiểu ống hình chữ nhật, nằm về một bên của bản khắc. Ở bên trong của ống đó có một vài chữ Hán, khó đếm được bao nhiêu, nhưng theo ý kiến tôi thì chúng chắc chắn là chữ Hán.

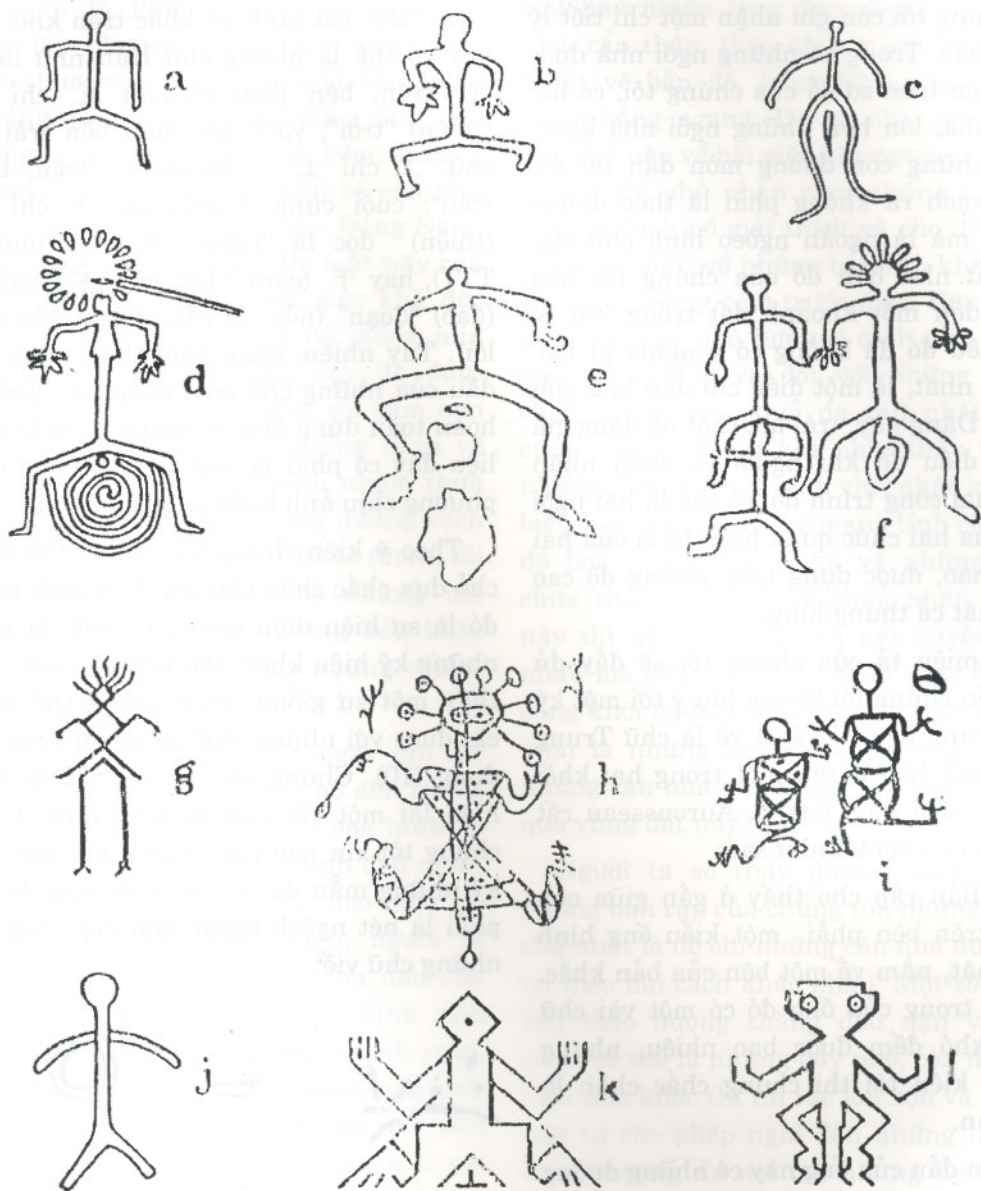
Phần đầu của ống này có những đường nét, như hình mũi tên A và B kéo dài. Hình chữ nhật này được sao lại dưới dạng 3 bản khắc khác nhau. Từ trên xuống dưới, tôi đọc được các từ mà tôi không hoà toàn chắc vì hòn đá đã bị mòn "大明弘治三年" (Đại Minh Hoàng Trị tam niên), tức là năm 1490. Nếu việc đọc là chính xác thì khối đá này có niên đại vào thế kỷ XV của kỷ nguyên chúng ta.

2. "Một vài hình vẽ khác trên khối đá này có thể là những chữ Hán như là, ở góc trên, bên phải có chữ 天 chỉ 天 (thiên) "trời"; và ở góc dưới bên trái có chữ: 上 chỉ 上 (thượng)... "trên, bên trên"; cuối cùng ở giữa có: 千 chỉ 千 (thiên) đọc là "nghìn" (hay là muôn-TTT), hay 干 (can) "thân cây"; 道 chỉ 道 (đạo) "đạo" (nẻo - TTT), đọc là "đường, lối". Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận là, dấu của những chữ cuối cùng này không hoàn toàn đúng lắm và người ta tự hỏi là liệu đây có phải là một thứ chữ của địa phương chịu ảnh hưởng của chữ Hán.

Theo ý kiến chúng tôi, cái có thể làm chỗ dựa chắc chắn cho giả thiết cuối này, đó là sự hiện diện trên hai khối đá này những ký hiệu khác, còn khó đọc hơn cho thấy một sự giống nhau không thể chối cãi được với những chữ do người Lolo sử dụng (10). Chúng tôi cho sao lại và thể hiện lại một vài chữ đó trên hình 1 và chúng tôi xin mời các chuyên gia xem xét kỹ những mẫu đó và xác định xem đó có phải là nét nghệch ngoạc đơn giản hay là những chữ viết.



Hình 1: Những hình vẽ trên đá giống với chữ viết (Mường Hoá)



Hình 2: Những cách thể hiện nguyên thủy hình người

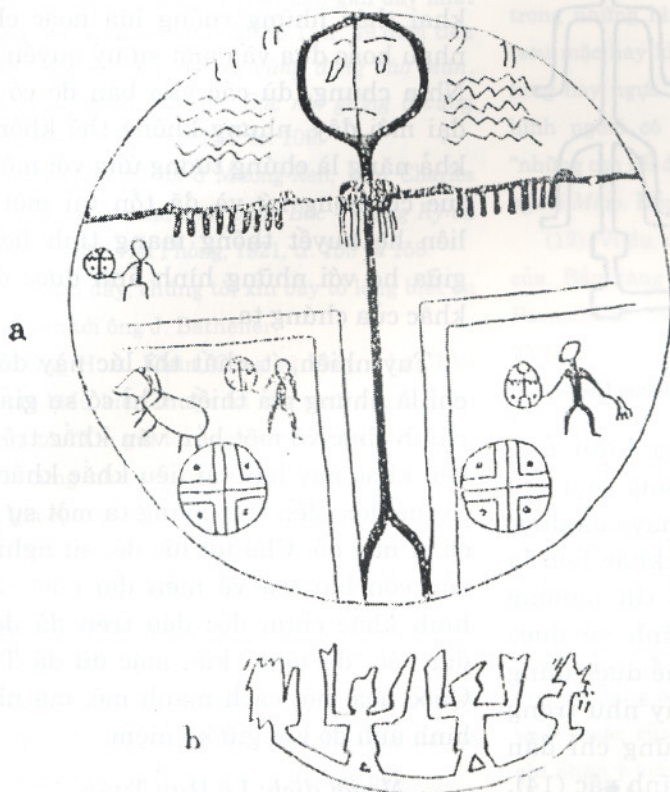
a-f: Hình khắc trên đá ở Mường Hoá; g: Mẫu thù của người Mán (Theo Lunet de Lajonquière: *Nghiên cứu các dân tộc ở các vùng đạo quan binh*, tr. 179); h và i: Bản viết tay của người Lolo; j: Trống Mông Cổ; k và l: Hình thù ở Thượng Lào (Theo những hiện vật được bảo quản ở Bảo tàng Maurice Long ở Hà Nội).

Một vấn đề khác giải quyết cũng không kém phần khó khăn hơn đó là vấn đề mà chúng tôi đặt ra về những sơ đồ đáng tò mò hình người, đã là vấn đề được đặt ra ở trên.

Việc nghiên cứu những hình ảnh thô thiển đó, chỉ việc đó thôi, có thể ấn định

được nguồn gốc của các hình khắc, nếu như chúng ta có một số lượng đầy đủ những hình ảnh khác cùng kiểu này, mà nguồn gốc, có thể chắc chắn dưới góc độ dân tộc học. Thật không may, chúng ta lại thiếu gần như hoàn toàn “những mẫu so sánh”. Những mẫu được tập hợp trên hình 2 và 3 là được mượn từ các mẫu

thêu của người Mán và người Thái, trên trống Mông Cổ, trên những vũ khí được gọi là "tiên sử" của Bắc Kỳ và những bản viết tay của người Lolo của trường Viễn Đông bác cổ (11).



Hình 3: a: Trống thiêng kiểu Mông Cổ (Theo 1 bản vẽ của G.Potanin Otcherki Sjévéro-Zapadnoy Mongdii (St. Pétersbourg, 1883, tập 4, pl. VI); b: Trang trí trên một chiếc búa tiên sử xuất xứ từ Bắc Kỳ (Theo H. Parmentier: *Những chiếc trống đồng cổ*, B.E.F.E.O, tập 18, I, pl. IX, c)

Tất cả những hình vẽ đó đều có điểm chung là con người, có một dáng vẻ ngây thơ, được nhìn trực diện; đặc trưng này được phân biệt một cách rõ nét với những hình ảnh mang tính sơ khai kiểu khác, cũng nổi tiếng ở Đông Dương mà ở đó, con người được nhìn nghiêng (12).

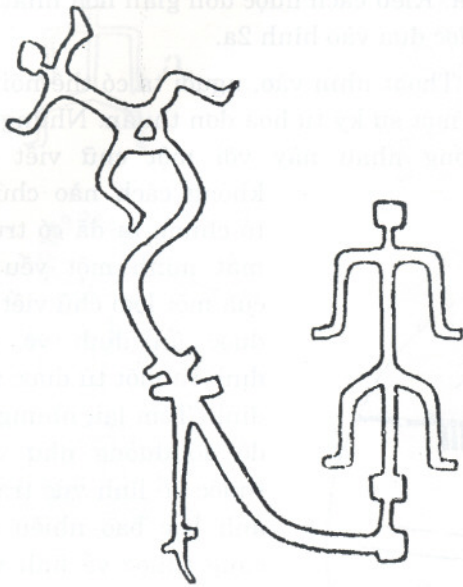
Trên những khối đá được chạm khắc của chúng tôi, sự biểu đạt về con người có một chút khác nhau giữa mẫu nọ với mẫu

kia. Kiểu cách được đơn giản hoá nhất đã được đưa vào hình 2a.

Thoạt nhìn vào, người ta có thể nói đó là một sự ký tự hoá đơn thuần. Nhưng sự giống nhau này với một chữ viết đã không cách nào chúng tỏ chúng ta đã có trước mắt mình một yếu tố của một loại chữ viết đã được ấn định và chỉ định ra một từ được xác định. Tóm lại, những sơ đồ đó dường như vừa thuộc về lĩnh vực tranh ảnh học bao nhiêu thì cũng thuộc về lĩnh vực văn khắc học bấy nhiêu.

Như chúng tôi đã nói, tất cả những hình ảnh đó có thể có một ý nghĩa thần bí, nhưng thật không mấy thận trọng khi đưa ra một ý kiến cụ thể về vấn đề này, chừng nào chúng ta không hoàn chỉnh những nguồn tài liệu bằng những bản khắc được lấy từ những khối đá khác.

Một trong những khối đá cuối này có một hình ảnh gây tò mò được chúng tôi vẽ lại theo cách lược họa (hình 4). Người ta phân biệt ở đây, hình ảnh của hai con người, một đàn ông và một đàn bà, nối họ với nhau bằng một loại ống mền có những cái nút và một phần phụ. Phải chăng đó là đôi vợ chồng tổ tiên mang tính chất truyền thuyết mà những người sống trong thung lũng có thể đã tỏ lòng tôn kính đối với một đôi vợ chồng được thần thánh? (13).



Hình 4: Hình khắc trên đá ở Mường Hoá

Sự hiện diện của những hình ảnh chạm khắc trên đá đã không loại trừ khả năng những hình ảnh này còn được dành cho những phong tục khác hơn là những phong tục của một tín ngưỡng của địa phương. Những hình vẽ được tái hiện trên ván khắc có thể được dùng để làm bản đồ địa chính hay như trong công việc thống kê mà những chỉ dẫn chúng chứa đựng thật là chính xác (14). Cũng như vậy, người ta đã thử giả sử rằng những ruộng lúa mà chúng ta tin là đã nhận ra dấu hiệu trên một trong những khối đá, đã tồn tại trên thực tế và

chúng đã được vạch ra trên đá với mục đích vừa là tôn giáo vừa là thực tế. Về điều này, người ta có thể nhớ đến sự tồn tại tại nhà của những người vùng núi Thượng du Bắc Kỳ, những bản kế ước bằng chữ viết, ký kết giữa những bộ tộc người khác nhau và quy định về việc khai thác những ruộng lúa hoặc chung nhau hoặc dựa vào một sự uỷ quyền (15). Nhìn chung, dù các văn bản đó có niên đại mới đây, nhưng không thể không có khả năng là chúng tương ứng với một tập tục cũ trong xứ và đã tồn tại một mối liên hệ huyết thống mang tính lịch sử giữa họ với những hình ảnh được chạm khắc của chúng ta.

Tuy nhiên, ít nhất thì lúc này đó mới chỉ là những giả thiết. Chỉ có sự giải mã chính thức về một bản văn khắc trên tài liệu khắc này hay tài liệu khắc khác mới có thể đem đến cho chúng ta một sự chắc chắn nào đó. Cho tới lúc đó, sự nghi ngờ vẫn còn lan toả về niên đại của những hình khắc chìm đục đào trên đá đó, về dân tộc "dã man" kia, mặc dù đã Trung Quốc hoá một cách mạnh mẽ, mà những hình ảnh đó lưu giữ kỷ niệm.

Người dịch: Lê Huy Tuấn

(Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I)

Người hiệu đính: TS. Tạ Thị Thuý

(Viện Sử học)

CHÚ THÍCH

(1). Xin đọc giả lưu ý rằng Chapa, một nơi an dưỡng rất quen thuộc ở vùng Thượng du Bắc Kỳ, nằm ở phía Tây Nam Lào Kay: 24, 82 độ vĩ Bắc và 142, 80 độ kinh Đông. Mường Hoa Hồ, có nghĩa là suối Mường Hoa bắt nguồn từ dãy núi Fan Si Pan (3.142m), đó là một nhánh của sông Hồng. Nước chảy qua hai thung lũng màu mỡ, cắt ngang bởi nhiều thác nước, ngăn cách nhau bằng một thung lũng hẹp. Tại vùng này đã có một bản đồ tỷ lệ

1/100.000 (Tờ số 15) do Sở Địa lý Đông Dương lập theo các công việc đo đạc năm 1905 và 1906.

(2). Tại Đông Dương, người ta gọi chung là "cầu khỉ" đối với một cái cầu nhỏ, bằng các vật liệu nhẹ, mềm và do chính người bản xứ làm.

(3). Có nhiều nhóm người Mán ở tỉnh Lào Kay. Đa số là Mán, theo tiếng Kouan - Houa gọi là lan-tiên và theo phát âm Hán Việt là Lam - diên, có nghĩa là "Mán màu chàm"; Xem Lunet de

Lajonquiere, *Nghiên cứu dân tộc các vùng đạo quan binh*. Hà Nội, 1904, tr. 194. Những người Mán Lan-tiên sống tập trung ở Vân Nam biên giới Việt - Trung. Họ cũng có mặt ở Lào, vùng Luang-Prabang, ở đó được biết dưới cái tên "Lau - Ten". Các tập quán và nhà ở của các bộ tộc Mán đã được Trung tá Bonifacy miêu tả trong các công trình nghiên cứu quan trọng mà xuất bản gần đây nhất là trong *Nghiên cứu châu Á*. Tập 1, tr. 49 dưới tiêu đề: *Một chuyến công tác tại vùng đồng bào Mán*. Xin xem thêm M. Abadie. *Các nòi giống ở vùng Thượng Bắc Kỳ*. Paris, 1924, tr. 109.

(4). Về các khối đá ở Mường-Xen, xem Charles Jacob. *Nghiên cứu địa chất vùng Bắc - Trung Kỳ và Bắc Kỳ*. Hà Nội - Hải Phòng, 1921, tr. 153 và 159.

(5). Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới ông J. Bathelier.

(6). Ông H. A. Klein, Công sứ Pháp ở Lào Kay cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công việc nghiên cứu của tôi "Xin gửi tới ông những lời cảm ơn chân thành, cũng như với ông George Beau, người đã tham gia chuyến đi đầu tiên của tôi".

(7). Việc phát quang nhanh bụi rậm của gò đất này đã làm lộ ra những khối đá khắc được đeo gọt cẩn thận xếp thành vòng xung quanh. Có thể ở đó là một ngôi mộ.

(8). Bằng sự giống nhau với các hình vẽ trên đá của vùng Bắc Mỹ, người ta có thể cho rằng nét vẽ này chỉ cho ta thấy đó là nhân vật đang nói.

(9). Ảnh của một ngôi làng kiểu của vùng cao được minh họa trong một bài viết của C. Henri Roux với nhan đề: *Hai bộ lạc vùng Phong Sa Ly*. Xem B.E.F.E.O, XXIV, sơ đồ VIII.

(10). Xem các tự điển Lolo được công bố trong Mission d' Ollone (1906-1909), tập VII và xem Paul Vial: *Những người Lolo*, tr. 41. Người Lolo còn sống nhiều ở vùng Nam Trung Quốc, họ chỉ có mặt ở Bắc Kỳ một số nhóm riêng biệt, không có sự liên hệ nữa với các bộ tộc Lolo của vùng Vân Nam và có xu hướng hoà nhập với người Thái, Mán và Mèo. Về quan điểm này, xem M. Abadie. Chương V.

Theo Lajonquiere, tr. 243, những người Lolo có chủ trương sống ở những vùng đất cao ở Vân Nam và Tây Bắc Bắc Kỳ. Các hiểu biết của chúng ta về người Lolo được tóm tắt trong B.E.F.E.O; XXI, tr. 193-196.

(11). Do thiếu tài liệu nên chúng tôi không thể trình bày ở đây theo các mẫu này sự tái tạo của một trong những hình người trên vải mà người Miao-tseu mặc hay khâu trên quần áo của họ, hoặc trên lưng hay ngực. Theo P.F.M. Savina, có thể những hình người có chân, tay dang ra này giống với "những con rối đang muốn đánh nhau". Xem *Lịch sử người Miao*. Hồng Kông, 1924, tr. 260.

(12). Ví dụ, các hình chạm khắc trên trống đồng của Bảo tàng Hà Nội (D. 6214, 21). Xem H. Parmentier: *Những trống đồng cổ*. B.E.F.E.O. XVIII.

(13). Xem nhận xét này với truyền thuyết Phu-Hay và chị Phu-Hay-Mui (Lajonquiere, tr. 182). Giống như truyền thống của người Mèo và Lolo (Theo Vial, tr. 49), truyện về đôi vợ chồng định chỗ xung quanh đỉnh núi Pia - ya giữa Bảo Lạc và Chợ Rã. Xem Bonifacy. B.E.F.E.O. VIII, 55.

(14). Chúng ta khó nhận biết tác giả của hình chạm khắc này có thể thực hiện chúng nếu không biết sử dụng bản đồ địa lý hoặc của người Trung Quốc hoặc của người Việt. Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận ý kiến này như một điều kỳ lạ: Hiện vẫn tồn tại ở một vài bộ tộc thổ dân đầu những hình vẽ mà người ta có thể coi như là các bản đồ sơ lược, ví dụ như hình vẽ của người Ấn Độ da đỏ mà H.G. Wells đã vẽ lại (Theo Schoolcraft) trong *Phác thảo về lịch sử thế giới*, tr. 93, xuất bản ở Pháp năm 1925. Xin xem thêm J. Deniker. *Các chủng tộc và dân tộc trên trái đất*, tr. 165.

(15). Dĩ nhiên, các khế ước này liên quan đến những thửa ruộng ngập nước và không phải là sự canh tác bình thường trên đồi núi "được cày xới bằng dao và gieo bằng lửa". Xem H. Abadie, tr. 118.